

ĐÔNG NAM Á: SỰ HÌNH THÀNH MỘT CỘNG ĐỒNG VĂN MINH?

D. A. MOSJAKOV. **Jugo-vostochnaja Azija:
Formirovanie covilizacionnoi oshchnosti?**
Vostok, N°2/2008, st. 5-10.

VŨ XUÂN MAI
dịch

Trước khi đi vào nội dung chính cần phải xác định cách hiểu khái niệm nền văn minh. Nếu chúng ta hiểu nền văn minh là một cộng đồng nào đó, gắn bó với nhau bởi toàn bộ lợi ích cơ bản và liên kết với nhau bằng tư tưởng chính trị hoặc tôn giáo thì lập luận về nền văn minh Đông Nam Á phải có một số minh chứng. Nếu chúng ta hiểu nền văn minh là một trình độ nhất định về văn hoá vật chất và tinh thần và phát triển xã hội thì lập luận về nền văn minh Đông Nam Á đòi hỏi những minh chứng khác. Nếu coi các yếu tố của mỗi thiện cảm vô ý và tính vị tha của các cộng đồng có quan hệ với nhau là cơ sở của khái niệm nền văn minh thì lại cần những minh chứng khác nữa.

Sự đa dạng như vậy của các quan niệm khoa học về bản thân thuật ngữ "nền văn minh" gây ra nhiều khó khăn cho việc nghiên cứu vấn đề, bởi vì chúng ta gặp phải việc sử dụng cùng một khái niệm trong những ngữ cảnh khác nhau và thường là ít đối chiếu so sánh được. Tôi ủng hộ cách định nghĩa nền văn minh thứ nhất, bởi định nghĩa này thể hiện đầy đủ nhất nội dung cốt lõi của khái niệm nền văn minh trong bối cảnh lịch sử của nó.

Trên cơ sở của cách tiếp cận đó có khả năng nhóm lại được rất nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử và văn hoá của các nước Đông Nam Á và làm rõ được ít nhất là hai quan niệm chính đang phổ biến rộng rãi trong giới nghiên cứu về khu vực này.

Những người theo quan niệm thứ nhất xuất phát từ chỗ, Đông Nam Á - đó là một khu vực hỗn tạp, không đồng nhất, mà từ ngày xưa ngày xưa đã đặc trưng bởi sự pha tạp nền văn minh. Họ coi Đông Nam Á như là sự hỗn hợp của các dân tộc và ngôn ngữ, sự hỗn hợp của các tôn giáo, chủng tộc, các nền văn minh, các nền kinh tế và chính trị. Ý kiến chung của họ là ở chỗ cho rằng, Đông Nam Á bị chia thành các khu vực chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Ấn Độ và Trung Quốc, và trong khu vực không có không gian văn hoá chung, không có phong cách nghệ thuật thống nhất, mà ở những khu vực khác đó chính là cái chứng tỏ sự thống nhất về nền văn minh. Ngoài ra, đối với Đông Nam Á, rất khó tìm được một tư tưởng chung nào xuyên suốt chặng đường lịch sử của nền văn minh được biết đến chút ít này (Xem 2,3,6 và 8).

Quan niệm này cũng gắn với một số cách tiếp cận khác mà theo đó, lịch sử Đông Nam Á được xem là sự đối đầu không dứt và cuộc chiến tranh của các quốc gia nội tại, là khu vực xung đột của các tôn giáo thế giới. Tất nhiên, những người ủng hộ các quan điểm này thậm chí còn không muốn nghe về sự tồn tại liên tục của một nền văn minh đặc biệt Đông Nam Á. Cho đến nay họ vẫn thường nói về sự không bền vững của các quá trình liên kết trong khu vực, sự tồn tại các mâu thuẫn nghiêm trọng giữa các nước thành viên ASEAN, về việc không thể hình thành một sự đồng nhất Đông Nam Á mới nào.

Điểm yếu của tất cả những quan niệm này là ở chỗ, thực tế khách quan 40 năm gần đây trong lịch sử các nước Đông Nam Á đã không chứng thực những kết luận này. Trong những năm đó, Đông Nam Á đã chuyển từ vị trí là vùng ngoại vi của thế giới thành một trong những khu vực đang phát triển nhanh nhất thế giới. Giới lãnh đạo ở đây đã biết xây dựng những mục tiêu, những lợi ích và những nguyên tắc liên kết chung và trên cơ sở đó, đã tiến được những bước dài trong liên kết, giải quyết một cách hoà bình những xung đột khu vực đã tồn tại nhiều năm. Nếu không có cơ sở của sự thống nhất bên trong thì những nước có dân di theo các tôn giáo khác nhau, mà đôi khi cạnh tranh với nhau (Phật giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo), còn kiểu chính quyền nhà nước thì có cả chế độ dân chủ (Philippines), chế độ cộng sản (Việt Nam) hoặc chế độ quân sự (Myanmar), không thể đạt được những kết quả như vậy.

Có thể gọi quan niệm mà tôi đưa ra là quan niệm sự thống nhất ban đầu.

Thực chất của quan niệm này là ở chỗ, mặc dù có sự đa dạng về dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo nhưng ở Đông Nam Á vẫn có một cái gì đó chung và cái đó đang gắn kết tất cả các tộc người đang sinh sống ở đây lại với nhau.

Trong lĩnh vực kinh tế - đó là nền kinh tế lúa nước mà nhân dân các vùng châu thổ các sông lớn và vừa đã làm từ thời xa xưa.

Trong lĩnh vực xã hội - đó là cộng đồng thuần túy mang tính sức mạnh, dựa trên kiểu hoạt động kinh tế chung cho tất cả - trồng lúa. Cơ cấu cộng đồng đã sinh ra nhóm xã hội vô cùng quan trọng và đồng nhất đối với tất cả các nước trong khu vực - nhóm những người nông dân tự do. Đông Nam Á luôn đặc trưng bởi tính linh hoạt xã hội cao, nơi mà người nông dân có thể trở thành chiến binh, quan chức hoặc là tu sĩ.

Trong lĩnh vực tinh thần - đó là các truyền thống, tập tục, cách nhận thức, đặc biệt là sự thờ cúng tổ tiên. Chính từ những cái này mà cho đến nay con người, dù theo đạo Hồi, đạo Phật, hay Thiên chúa giáo, đều đang nhận sự phán xét chính về hành vi của mình. Một nhân tố khác không kém phần quan trọng là sự tôn thờ thường thấy ở đa số các dân tộc Đông Nam Á đối với các vị thần tinh thần của cộng đồng. Đây là sự tôn thờ cao hơn mức độ gia đình, thường gắn với một cộng đồng - làng xã nào đó và không liên kết vào các kết cấu phức tạp hơn. Ngay cả hiện nay, trong số những đặc điểm chủ yếu về tôn giáo - văn hoá, sự tôn thờ tổ tiên và thần linh không chỉ là hình thức tôn giáo cổ xưa, mà còn là một hình thức tín ngưỡng và hành động tôn giáo vẫn đang tồn tại bất chấp mọi tác động.

Hơn nữa, ở cấp độ quyền lực, sự tôn thờ này đã biến thành sự tôn thờ tổ tiên của vua, cũng như vị vua thiêng liêng và trong một số trường hợp, thành sự tôn thờ vị vua đã được thần thánh hoá. Sự tôn thờ các vị tổ tiên - thần linh và cùng với nó là sự tôn thờ nhà cầm quyền đã được thần thánh hoá đang tạo nên nền tảng tư tưởng - tinh thần chung ban đầu mà nó có thể dễ dàng được tìm thấy trên thực tế ở khắp mọi nơi Đông Nam Á.

Về sau các tôn giáo thế giới (ban đầu là đạo Phật, sau đó là đạo Hồi và sau nữa là Thiên chúa giáo) đã được đặt trên nền tảng này. Ở đây, các tôn giáo thế giới không hề chèn ép và lấn át những sự tôn thờ truyền thống mà dường như còn bổ sung chúng, mở rộng mạnh mẽ phạm vi thế giới quan và trình độ văn hoá tinh thần của các tộc người ở Đông Nam Á. Cơ sở linh thiêng nền tảng - sự tôn thờ các vị tổ tiên và thần linh - hiện vẫn đang tiếp tục tồn tại và thường được lưu lại dưới hình thức truyền miệng (dân gian, truyện thần thoại, nghệ thuật quần chúng). Còn các tôn giáo thế giới và các tập quán văn học, nghệ thuật gắn liền với chúng thì dựa trên hoạt động viết lại và được xây dựng xung quanh các đoạn văn thiêng liêng. Sự tác động lẫn nhau giữa hai nhân tố này làm nảy sinh các hình thức hỗn hợp, kết hợp cả tập quán truyền miệng lẫn tập quán ghi lại và nó cho thấy khả năng nội tại của các nền văn hoá bản địa trong việc du nhập tri thức mới mà không phá vỡ tri thức cũ. Điều này thể hiện ngay cả lúc này khi mà quá trình hiện đại hoá - hấp thụ những ý nghĩa của nền văn minh phương Tây - không loại bỏ những quan niệm tôn giáo - tinh thần đã có từ lâu

đời, mà dường như tìm thấy được thế mạnh của mình, khi xác định hành vi trong lĩnh vực kinh doanh và quan hệ lao động.

Trong lĩnh vực quan hệ gia đình và công việc, điểm chung đối với toàn khu vực - đó là hệ thống coi trọng những người họ hàng cả hai bên nội ngoại, sự giúp đỡ truyền thống trong cộng đồng, thông lệ thông qua quyết định sau khi thảo luận kỹ với sự tham gia của tất cả mọi người, và những người tham gia không theo đuổi mục đích tranh cãi hoặc chứng minh tính đúng đắn của mình, mà là nhằm đạt được sự nhất trí và thoả thuận.

Có thể coi đặc điểm chung đối với các nước trong khu vực - tính yếu kém và không bền vững của các giới chính trị - là minh chứng cho sự thống nhất về mặt lịch sử của các nước trong khu vực. Mặc dù văn hoá của giới chính trị có vẻ trang trọng, có hình tượng và biểu tượng địa vị, nhưng cơ chế giữ vững địa vị, sự kế thừa đã không được xác lập, và ở những nơi người ta cố gắng xác lập chúng thì kết quả dường như là mang tính tiêu cực. Có thể nói rằng, trong lịch sử trước kia, ở khu vực này gần như chưa có bộ phận quý tộc với tư cách là một tầng lớp, các triều đại được thay đổi khá thường xuyên và giới chính trị được hình thành trên cơ sở những người có họ hàng gần với nhà cầm quyền. Giới chính trị ở đây là lớp người họ hàng thân cận với nhà cầm quyền và những người phục vụ người nắm quyền. Toàn bộ tài sản của giới này là được chu cấp từ đất đai của nhà nước hoặc nơi có thu nhập của nhà nước (thuế cảng, thu các khoản nộp) và quyền hạn đối với chúng phụ thuộc vào tước vị.

Ở đây không thể không đặt ra câu hỏi, liệu những ví dụ nêu trên có phải là dấu hiệu của một nền văn minh chung hay vẫn chỉ là một nền tảng lịch sử nào đó, không thể phù hợp với một nền văn minh đích thực. Vấn đề là ở chỗ, không thể phủ nhận thực tế rằng: ở Đông Nam Á, sự tôn thờ truyền thống không hề biến thành quan niệm thế giới quan và tôn giáo chung mang tính toàn cầu nào đó mà có thể nêu bật tính thống nhất hay tính độc lập tự chủ của khu vực. Ở đây, các tôn giáo thế giới đã được tiếp thụ được đặt trên nền tảng của chính những sự tôn thờ đó. Cho đến nay, nguyên nhân gây ra điều đó vẫn đang là đối tượng của các cuộc bàn thảo sôi nổi, nhưng đối với tôi, sự thực sau mới là quan trọng: ở Đông Nam Á không xuất hiện nền văn minh kiểu như nền văn minh Trung Quốc hay nền văn minh Ấn Độ, tức là nền văn minh có khả năng tự hình thành nên những tư tưởng và quan niệm tôn giáo mới. Đúng hơn là có thể nói về 3 dạng cơ cấu xã hội-chính trị: Việt Nam (phong kiến-quan liêu), Mã Lai hay duyên hải (quân sự-phong kiến) và Java - Đông Dương (nhà nước-phụ quyền) (1, tr. 60-73). Do đó, khi nghiên cứu lịch sử Đông Nam Á, sẽ có cảm giác về một nền văn minh chưa được xây dựng hoàn chỉnh, về một ngôi nhà nào đó mà ở đó, phần móng đã được xây xong nhưng phần nhà vẫn chưa được hoàn thiện.

Ngoài ra, sự cảm nhận này xuất hiện không chỉ ở người quan sát là người bên ngoài - người Châu Âu - mà còn ngay chính các nhà chính trị và các nhà khoa học ở các nước Đông Nam Á. Trước đây, Nurdin Sofine, lãnh đạo Trung tâm hoạch định chiến lược của Malaysia, trong cuộc nói chuyện với tôi

đã nói rằng, sự yếu kém của Đông Nam Á luôn nằm ở chỗ, các dân tộc của khu vực này không nhận thức được sự thống nhất của mình và sự gắn gũi về văn hoá, và, một mục đích chung nào đó hoặc một tư tưởng tôn giáo chung nào đó đã không liên kết họ lại với nhau. Ông khẳng định rằng, nếu các quốc gia Đông Nam Á muốn có một vị trí xứng đáng trên thế giới thì cần phải khắc phục sự yếu kém này và xây dựng tương lai theo mô hình của Liên minh châu Âu. Theo Nurdin Sofine, để thực hiện mục tiêu đó, cần phải “đưa” cộng đồng Đông Nam Á trở thành một nền văn minh hiện đại đích thực có cách nhìn chung về thế giới, có sự tương đồng chung và có môn thần thoại học lịch sử chung, có cách hiểu chung về các mục tiêu và cảm nhận chung về vận mệnh chung, có thị trường chung, các nguyên tắc và phương châm chung.

Một chính trị gia nổi tiếng khác ở Đông Nam Á, nhiều năm giữ chức Chủ tịch Quốc hội Campuchia - Chia Sim - đã nhận định về vấn đề này như sau: “Chúng ta (người Khơ Me) cần phải vượt qua những định kiến cũ về người Thailand và người Việt Nam, không được quá nhấn mạnh những điều bất lợi mà cần phải chú trọng những điểm chung đang liên kết chúng ta lại với nhau”.

Quan niệm cho rằng, ý thức về lịch sử và nền văn hoá chung cần phải được phổ biến đến tất cả các dân tộc Đông Nam Á, đã nhiều năm chiếm ưu thế trong quan điểm của giới trí thức và đời sống tinh thần của khu vực. Chẳng hạn, ngay từ năm 1981, các nhà sử học và chính trị học có tiếng của các nước ASEAN đã đưa ra ý kiến rằng: “Một nền

văn hoá ASEAN phải xuất hiện, nó phải mang tính duy vật nhưng cũng phải tuân thủ những ảnh hưởng mang tính kiểm chế của đời sống tinh thần châu Á, nó phải mang tính khoa học nhưng không được thù nghịch với đời sống tôn giáo và các truyền thống, nó phải mang tính duy lý nhưng cũng phải quý trọng nghệ thuật nhân dân, các phong tục và tập quán". Sự phổ biến văn hoá chung này và sự tương đồng chung gắn liền với nó phải diễn ra theo cách giống như các tôn giáo thế giới đã được xác lập trong thời gian trước kia và trong khuôn khổ nguyên tắc tiếp biến chung đối với Đông Nam Á, trong mọi trường hợp sự phổ biến này đều không được lấn át tính đồng nhất của dân tộc và nhà nước (4, p.327; 5, p.217).

Hy vọng về sự thành công của đề án này được củng cố thêm bởi một hệ thống mới các quan điểm và sự tự đồng nhất đang được áp dụng trong bối cảnh các cộng đồng ở Đông Nam Á có những chuyển biến rõ rệt. Những thay đổi xã hội to lớn (sự gia tăng tầng lớp trung lưu và dân thành thị), những biến đổi đáng kể trong lĩnh vực giáo dục (sự gia tăng số lượng người am hiểu biết và có trình độ học vấn cao), những điều kiện sống và lao động khác của hàng triệu người - tất cả những điều đó rõ ràng là đang thúc đẩy việc áp dụng các quan niệm và tư tưởng mới. Đông Nam Á đã đạt được những thành tựu rõ rệt trên con đường liên kết. Đó cũng là ý thức cộng đồng khu vực và đoàn kết mà tất cả các nước đã thể hiện trong thời gian xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính 1997-1998 và niềm tự hào về việc ASEAN trở thành một trong những tổ chức quốc tế thành công và có ảnh hưởng nhiều nhất, và những nỗ lực

thành công nhằm phát triển trao đổi và thương mại qua lại cũng như các dự án văn hoá và kinh tế. Tất cả những điều này đang khiến người ta phải nhìn theo cách mới về vấn đề hình thành nền văn minh không có sự nỗ lực có ý thức của những người mang nó và sáng tạo ra nó.

Tôi muốn nói chi tiết hơn một chút về tổ hợp các biện pháp hình thành sự tương đồng chung, bởi vì vấn đề này là cấp thiết đối với thế giới hiện đang bị chia rẽ bởi các mâu thuẫn và cũng đặc biệt quan trọng đối với nước Nga, nơi mà vấn đề sự tương đồng về nền văn minh của tất cả các cộng đồng văn hoá-tộc người thuộc Cộng hoà Liên bang Nga vẫn chưa được giải quyết.

Việc xây dựng nền văn minh hiện đại ở Đông Nam Á được dựa trên sự nhận thức rõ ràng của giới chính trị các nước trong khu vực về sự cần thiết của quá trình này. Báo "*The Straits Times*" - một trong những tờ báo có uy tín nhất trong khu vực - đã nhận định rằng, "sự liên kết và hợp tác kinh tế trong lĩnh vực an ninh là không thể nếu không tạo nên sự cảm nhận chung của các nước thành viên ASEAN về ý thức văn hoá - xã hội chung của họ" (7). Trong quá trình hình thành sự cảm nhận chung này có thể nêu ra 2 nhóm quá trình: a) các quá trình gắn trực tiếp với những thay đổi trong nền chính trị quốc gia và b) các quá trình gắn liền với những thay đổi trong ý thức xã hội của các cộng đồng dân tộc.

Nhóm thứ nhất gồm các quá trình xích lại gần nhau về chính trị và kinh tế, sự kí kết các văn bản về phát triển thương mại chung và phối hợp chính trị đối ngoại.

Nghiên cứu nhóm các quá trình thứ hai, vốn gắn liền với sự xây dựng nền văn minh và sự hình thành tính tương đồng khu vực, là rất đáng chú ý. Đặc biệt chú ý là tư tưởng về sự thoả hiệp với tính cách là một phẩm chất văn minh toàn cầu nào đó vốn có của tất cả các nước Đông Nam Á. Sự thoả hiệp này thể hiện ở chỗ không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khu vực, từ bỏ việc đặt ra các tiêu chí khắt khe đối với sự tuân thủ các quyền con người hoặc tính chất của chế độ chính trị ở nước này hay nước khác. Một số nguyên tắc chung được khẳng định trong chính sách của giới lãnh đạo các nước ở khu vực này là: mọi việc đều có thể được giải quyết thông qua đàm phán; luôn có thể tìm được sự thoả hiệp mà các bên đều chấp nhận được và đi đến sự nhượng bộ lẫn nhau.

Sự sáng tác các câu chuyện thần thoại một cách cởi mở về quá khứ chung của các nước trong khu vực cũng đóng vai trò không kém phần quan trọng. Người ta khẳng định rằng, các giá trị chung chính là cơ sở phát triển lịch sử ban đầu của các nước này. Các cuộc chiến tranh ở Đông Nam Á diễn ra không hẳn là giữa các quốc gia, mà chủ yếu là giữa các nhóm phe phái trong phạm vi một đất nước. Tất cả những gì liên quan đến sự cộng đồng vận mệnh (ví dụ, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân) đều được nhấn mạnh; tất cả những gì liên quan đến sự thù địch giữa các nước đều dần được xoá bỏ. Nhiệm vụ là ở chỗ phải hình thành cho các thế hệ trẻ một sự cảm nhận về sự cộng đồng vận mệnh lịch sử.

Việc giáo dục thế hệ trẻ trong phạm vi môn thần thoại học lịch sử mới, trong

bầu không khí hợp tác và hiểu biết các nước láng giềng cũng được chú ý. Nước láng giềng - đó là những người họ hàng gần gũi - đó là phương châm của đa số các sách giáo khoa lịch sử được xây dựng trên quan điểm sự gần gũi về lịch sử - văn hoá của các nước trong khu vực và hướng tới thể hiện sự cộng đồng này.

Việc thực hiện dự án xây dựng sự tương đồng chung của những cư dân Đông Nam Á đang diễn ra dưới sự kiểm soát của Uỷ ban về hoạt động xã hội và văn hoá của các nước ASEAN, cũng như của Uỷ ban về các phương tiện thông tin đại chúng. Sự mở rộng hợp tác giữa các nước được tài trợ từ Quỹ văn hoá đặc biệt, được thành lập vào năm 1978.

Mặc dù chương trình này đã đạt được những kết quả và đã được cân nhắc kỹ lưỡng, nhưng không thể không chỉ ra những nguy cơ tiềm ẩn to lớn có thể đe dọa kết quả chung. Những nguy cơ này hoàn toàn không phải do việc giới trí thức và chính trị không muốn đẩy mạnh quá trình liên kết hoặc không muốn chơi quân bài quốc gia. Những thách thức chính đối với quá trình hình thành sự tương đồng Đông Nam Á diễn ra ở bên ngoài, từ phía các nền văn minh khác, mà trước hết là nền văn minh Trung Quốc và nền văn minh Hồi giáo.

Nguyên nhân là ở chỗ, trong thời gian gần đây, phương châm văn hoá - chính trị của đa số cộng đồng người Trung Quốc (Hoa kiều) đang sinh sống ở các nước Đông Nam Á, cũng như của hàng triệu người Hồi giáo sống ở khu vực này đã thay đổi mạnh mẽ. Họ ngày càng tích cực đồng nhất mình theo các nền văn minh Trung Quốc và nền văn minh Hồi giáo. Về phần những người

Trung Quốc, theo quan sát của các nhà xã hội học và văn hoá học, họ trở nên ít sẵn sàng hoà nhập vào thế giới văn hoá của các nước Đông Nam Á. Trước kia, các kiều dân Trung Quốc luôn muốn nhấn mạnh mong muốn của mình là trở thành thành viên của các cộng đồng người Thái, người Khơ me hoặc người Indonesia. Họ kết hôn với phụ nữ người bản địa, học tiếng bản địa và lấy họ của người bản địa. Giờ đây, mọi sự đã thay đổi. Những kiều dân Trung Quốc mới không muốn gắn kết với cộng đồng bản địa, thường không biết tiếng địa phương và sinh sống trong các cộng đồng người Hoa khá khép kín. Hơn nữa, trong tình hình đất nước Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu trong xây dựng kinh tế, củng cố được vị thế kinh tế và chính trị của mình trong khu vực thì chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc và niềm tin rằng, sớm hay muộn, đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc sẽ trở thành đồng tiền của các nước Đông Nam Á, và tiếng Trung Quốc trở thành ngôn ngữ được thừa nhận chung trong phạm vi khối thị trường chung đang hình thành giữa các nước Đông Nam Á và CHND Trung Hoa, đang gia tăng. Nếu chú ý rằng, số người Trung Quốc đang sinh sống ở các nước Đông Nam Á là hơn 30 triệu và họ đang thành đạt trong nền kinh tế của nước bản địa thì rõ ràng là, nếu không giải quyết vấn đề liên kết người Trung Quốc vào cộng đồng Đông Nam Á thì quá trình liên kết khó có thể đạt được kết quả tốt. Những người Trung Quốc ở Đông Nam Á đang dốc hết sức mình vào việc đẩy nhanh sự liên kết CHND Trung Hoa với các nước ASEAN hơn là vào sự gắn bó trong khu vực.

Vấn đề với những người Hồi giáo còn phức tạp hơn nữa, đặc biệt là ở các

vùng như Ache ở Indonesia, Mindanao ở Philippines hoặc trong số những người Mã Lai ở miền Nam Thailand. Theo ý kiến của phần lớn các nhà nghiên cứu, trong thời gian gần đây, nhờ sự cung cấp tiền bạc ở các nước Arab hỗ trợ các loại quỹ khai hoá, giáo dục và chính trị của người Hồi giáo mà ảnh hưởng của tôn giáo này đã tăng mạnh. Điều đó diễn ra không phải nhờ gia tăng số lượng tín đồ Hồi giáo mà là do ảnh hưởng của đạo Hồi đang tăng lên và nó phá vỡ sự tôn thờ truyền thống đối với tổ tiên và các vị thần linh, phá vỡ nền tảng chung vốn là nền tảng chủ yếu để xây dựng tính tương đồng mới của khu vực. Trong khu vực ngày càng có nhiều tín đồ Hồi giáo cực hữu, không tuân theo các truyền thống Hồi giáo của các nước Đông Nam Á. Những người được gọi là tín đồ Hồi giáo mới - họ đã được học tập ở Arab Saudi và ở phương Đông Arab hoặc ở các trường của người Hồi giáo tại các nước Đông Nam Á, nhưng cũng do những người Arab Saudi dạy và dùng các sách giáo khoa của họ - ngày càng hay coi mình là thuộc thế giới của đạo Hồi, chứ không phải thuộc thế giới truyền thống ở Đông Nam Á. Hơn nữa, hiện nay, chính những người ủng hộ Hồi giáo cấp tiến núp dưới khẩu hiệu các phong trào tự trị của Ache, Moro, và những người Mã Lai ở miền Nam Thailand là những người đã gây ra cuộc chiến tranh du kích chống lại các chế độ hiện thời, họ đưa ra các yêu cầu không chỉ về quyền độc lập và tự trị mà còn đòi chuyển tất cả sang các quy định dựa trên kinh Coran và điều đó là trái ngược với chính sách liên kết của khu vực. Tất cả những điều đó xác nhận đầy đủ nhận định nổi tiếng của Ortego và Gasset rằng, trong thế giới hiện đại, nhận thức

về quần chúng nhân dân về thành phần văn minh của mình rõ hơn về thành phần quốc gia và họ hành động theo thành phần văn minh nhiều hơn là theo thành phần quốc gia, theo bản năng nhiều hơn là theo lý trí. Trong bối cảnh gia tăng chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan và sự không dung hoà với những người theo tôn giáo khác, khó có thể nói về những triển vọng tốt đẹp của việc xây dựng sự tương đồng giữa những người theo đạo Phật, những người theo đạo Tin lành, những người Hồi giáo và những người theo đạo Khổng ở các nước Đông Nam Á.

Như vậy, hiện nay, ở khu vực Đông Nam Á đang diễn ra một quá trình mang tính hai mặt: một mặt, đó là những nỗ lực có mục đích của giới cầm quyền các nước trong việc xây dựng sự tương đồng của khu vực và củng cố sự liên kết với nhau, cũng như sự thống nhất trên nền tảng chung của các lợi ích chính trị, kinh tế và các giá trị truyền thống, mặt khác, đó là những nguy cơ rõ ràng đối với quá trình này từ phía những nền văn minh lớn và đã hình thành (nền văn minh Trung Quốc và nền văn minh Hồi giáo). Nghịch lý lịch sử là ở chỗ, vào thế kỷ IV-VII thời trung cổ trước kia, những tác động từ bên ngoài như thế đã ngăn chặn sự hình

thành một nền văn minh đầy đủ trong phạm vi Đông Nam Á. Ngày nay, ở một vòng xoáy phát triển mới, tình hình đang lặp lại. Có lẽ, xung đột chính là sứ mệnh lịch sử của nền văn minh Đông Nam Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mosjakov D. V., Turin V. A. Lịch sử Đông Nam Á. M., 2004.
2. Holl D. G. E. Lịch sử Đông Nam á. M., 1958.
3. Acharya A. The Quest for Identity. International Relations of Southeast Asia. Oxford: Oxford University Press, 2000.
4. ASEAN: Identity, Development and Culture. Queson City: 1981.
5. ASEAN: Path to Identity. Bangkok: 1999.
6. Geertz A. Negara the Theater State in XIX Century Bali. Princeton: Princeton University Press, 1980.
7. The Straits Time. 21/01/2007.
8. Wolters O. M. History, Culture and Religion in Southeast Asian Perspectives. NY.: Cornell University, 1999.

(tiếp theo trang 62)

Phần 2, Các nền văn hoá tiêu biểu, gồm 7 chương, giới thiệu 7 nền văn hoá tiêu biểu của văn hoá phương Đông, đó là: văn hoá Ai Cập, văn hoá Ả-rập, văn hoá Ấn Độ, văn hoá Đông Nam á, văn hoá Lưỡng Hà, văn hoá Nhật Bản, văn hoá Trung Quốc. ở mỗi chương, các tác

giả đều khái quát về tiến trình lịch sử qua các thời kỳ, làm rõ đặc điểm và các thành tố (nghệ thuật, kiến trúc, văn học, triết học, chính trị, tôn giáo...), những biểu tượng và bản sắc truyền thống, các thành tựu lớn của mỗi nền văn hoá nói trên.

HOÀI PHÚC